CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

Tổng CTCP May Việt Tiến

Ngày 30/06/2025	46,800 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	4.2%	**4.0%**	**4.9%**

DT thuần
Q2/25
2,918
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 662| 29.4%
YoY: ▼182| -5.9%

LN thuần
Q2/25
127
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 16.0| 14.2%
YoY: ▲ 3.00| 2.2%

LN sau thuế
Q2/25
105
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 9.90| 10.4%
YoY: ▲ 2.00| 1.9%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
4.4%
YoY: +/-▼ 0.6%

ROE (TTM)
Q2/25
18.8%
YoY: +/-▲ 0.0%

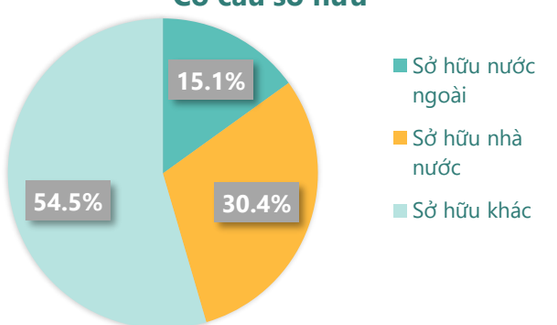
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	32,408 - 48,370
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,064
Số lượng CPLH (CP)	44,100,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	7,210
Sở hữu nước ngoài	15.1%
Beta	1.74
EPS	9,147
P/E	5.1

DT thuần
6T 2025
5,174
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 242| 4.9%

LN thuần
6T 2025
238
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 71.0| 42.3%

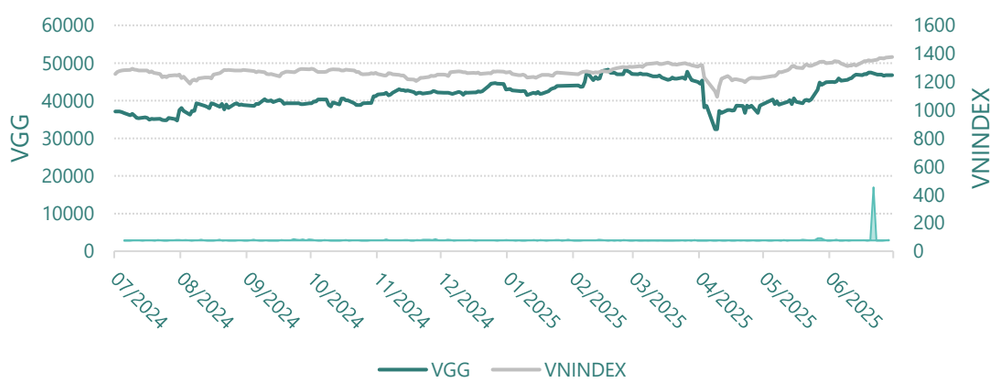
LN sau thuế
6T 2025
200
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 59.0| 42.2%

Cơ cấu sở hữu

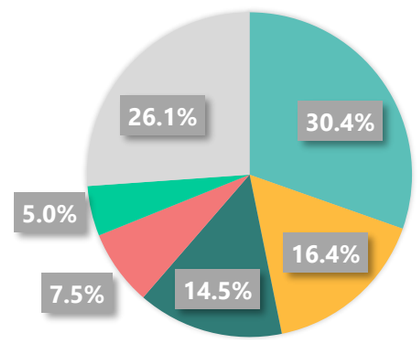


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

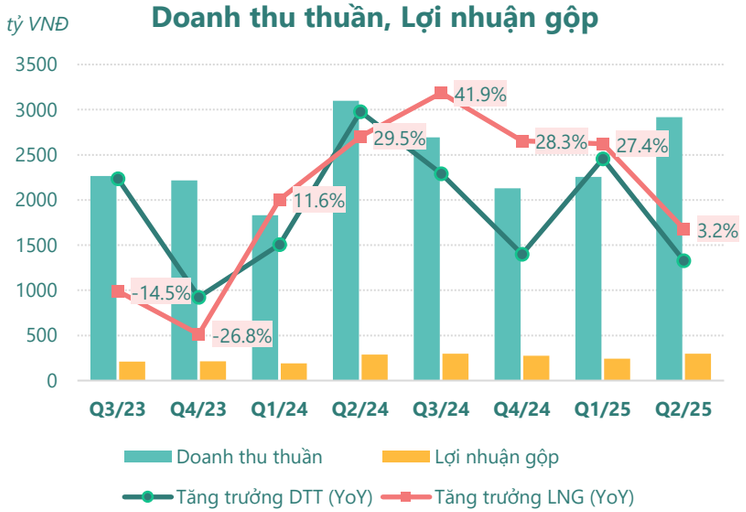


Tập đoàn Dệt may Việt Nam
Công ty TNHH MTV Đầu tư Xuân Hồng
South Island Garment SDN.BHD
CTCP Tân Thuận Tiến
Tung Shing Sewing Machine Co.,Ltd
Khác

(Nguồn: fireant.vn)

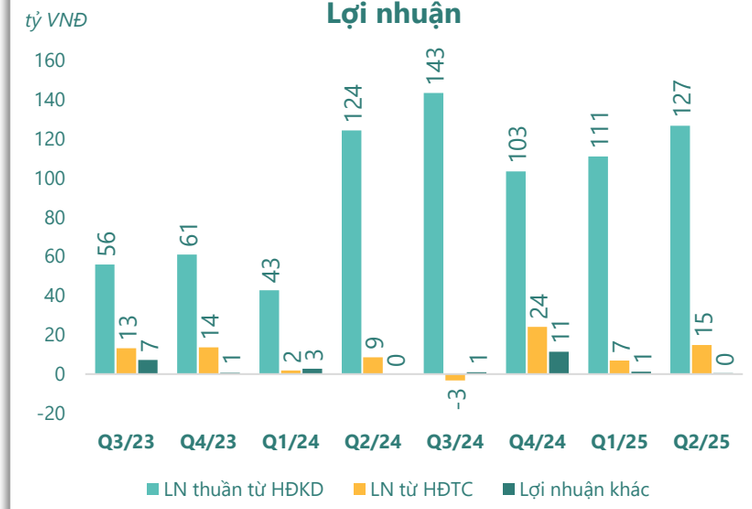
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



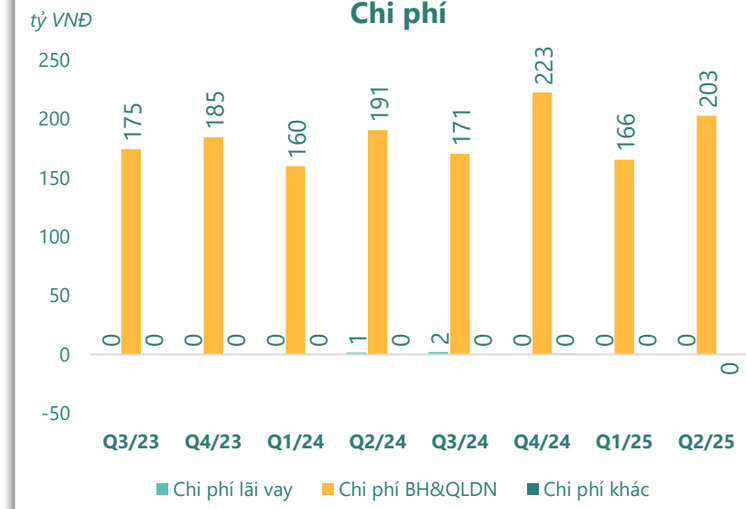
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



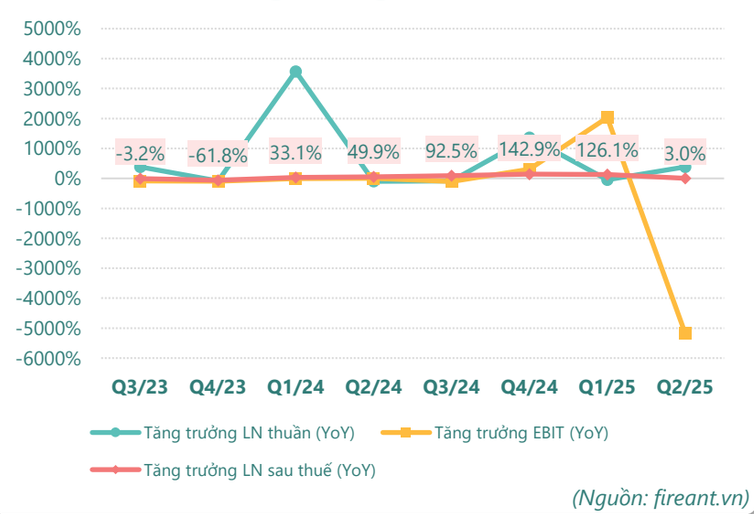
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



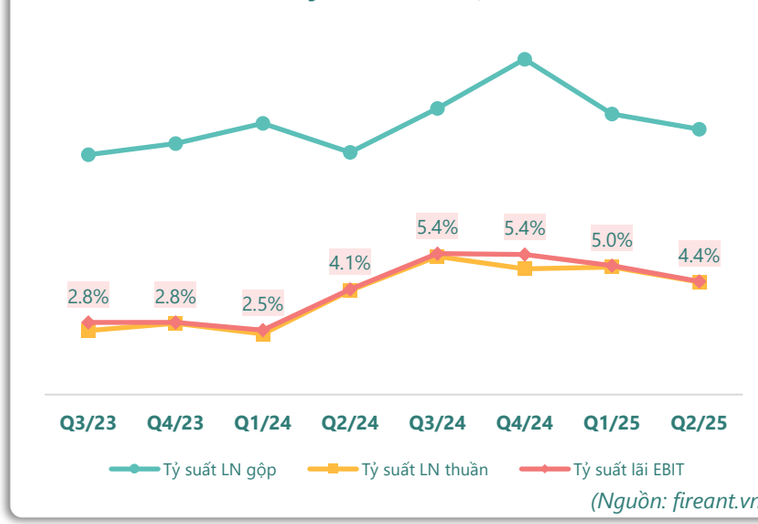
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



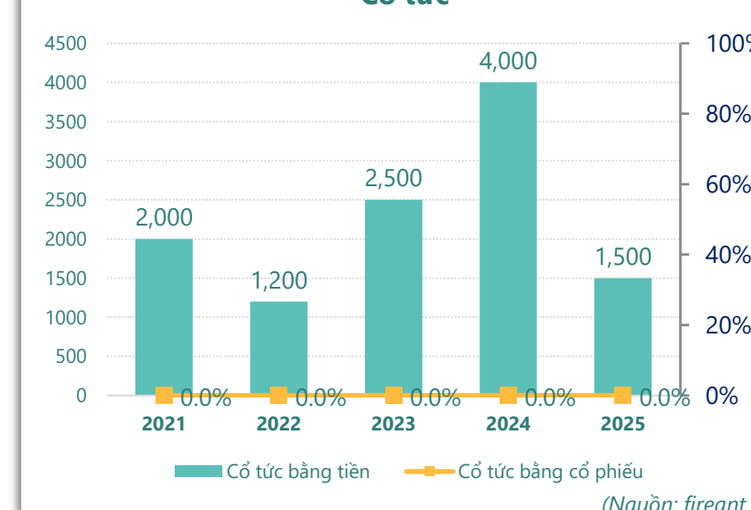
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

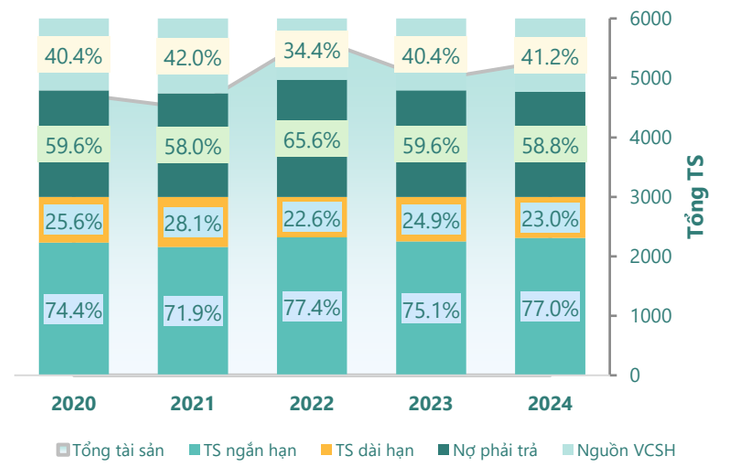
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

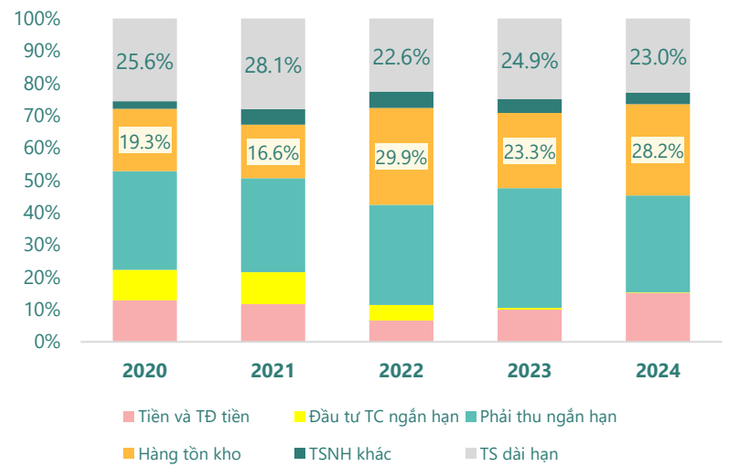
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



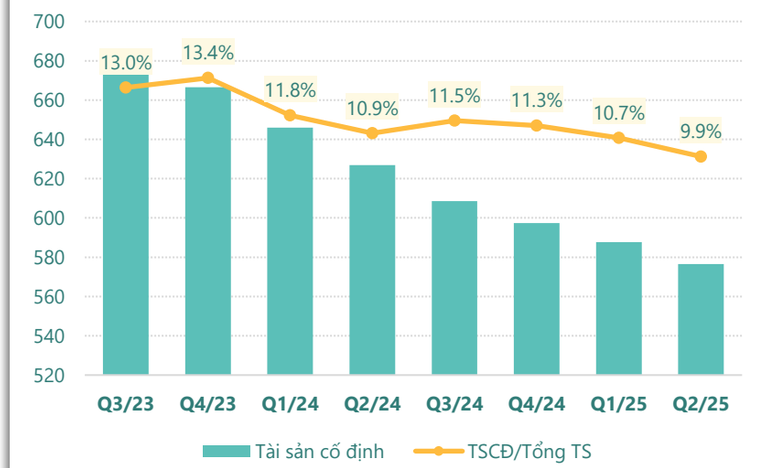
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



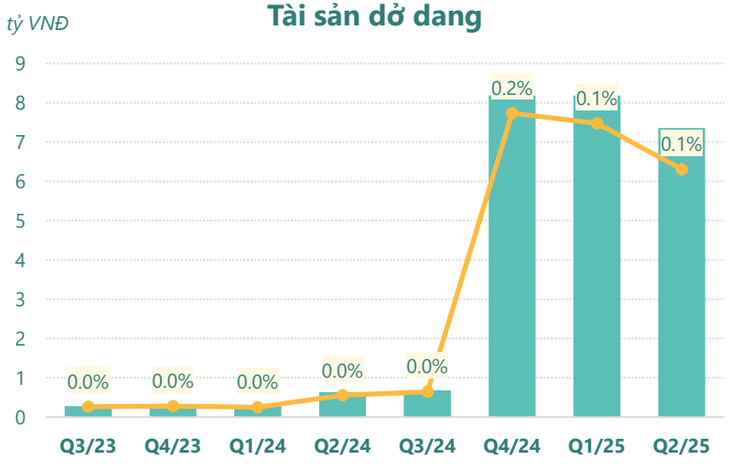
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



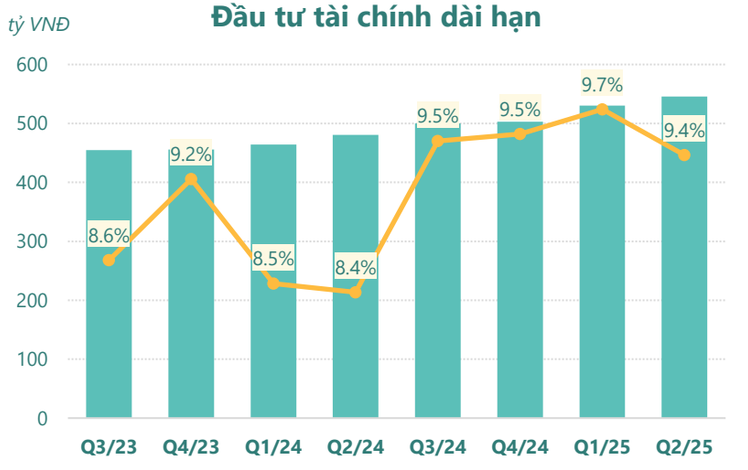
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



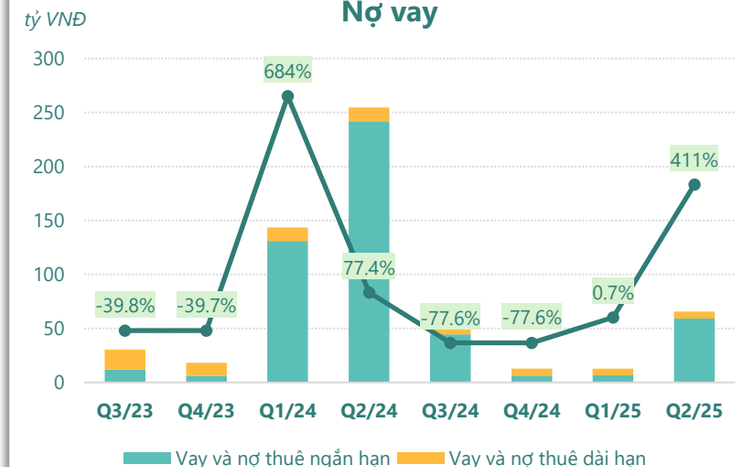
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

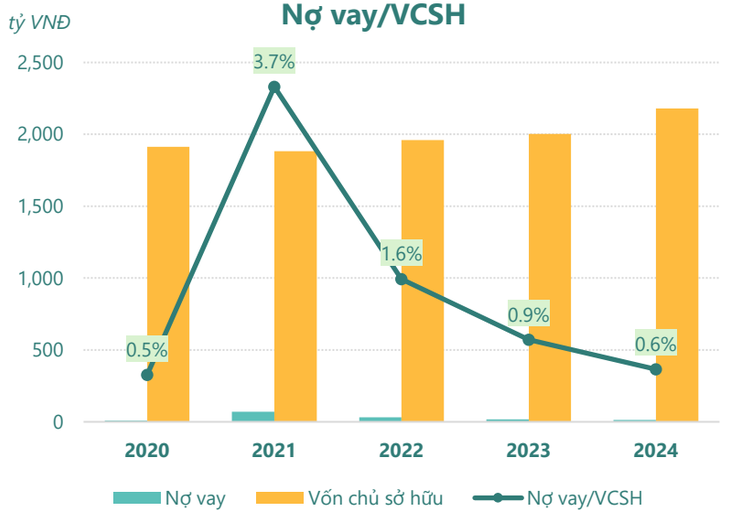
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

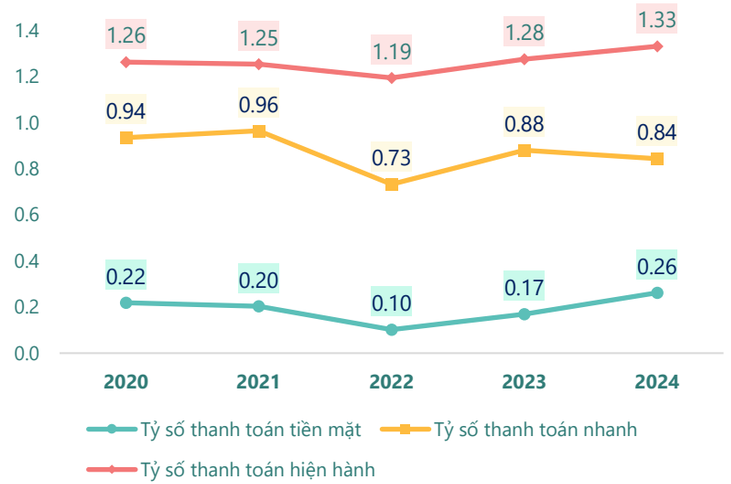
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



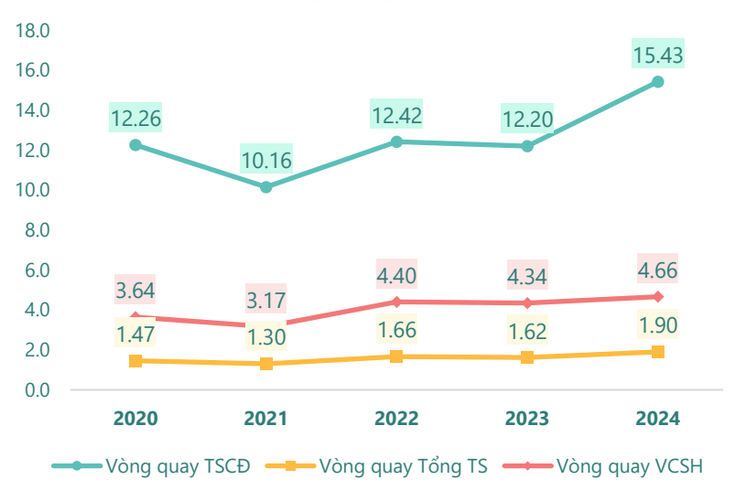
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



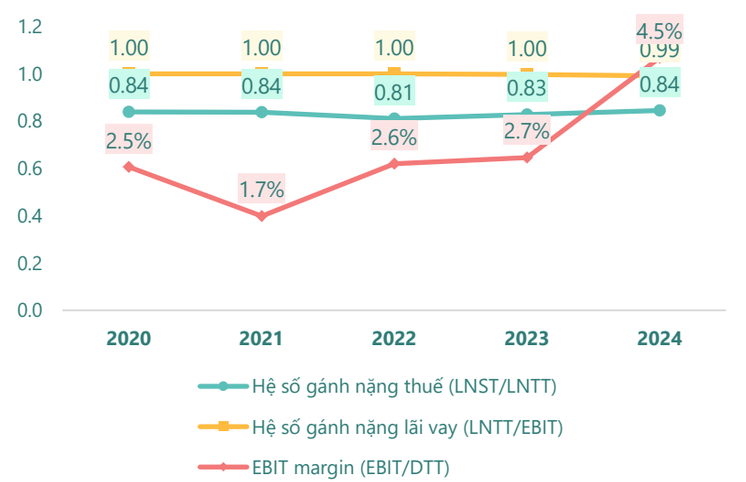
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



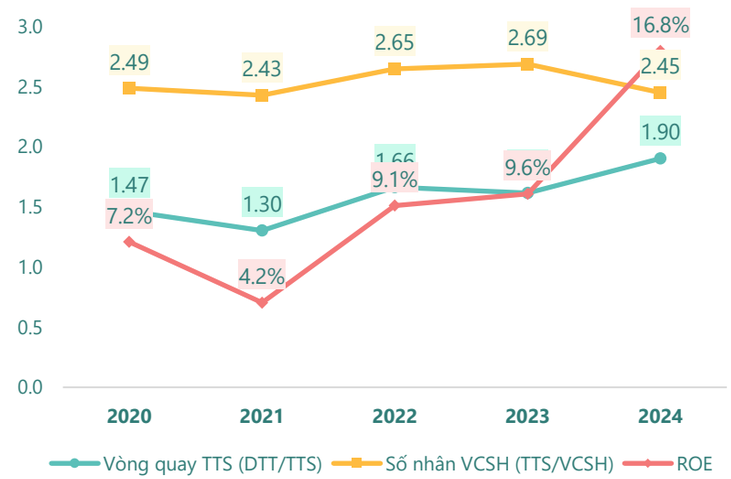
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



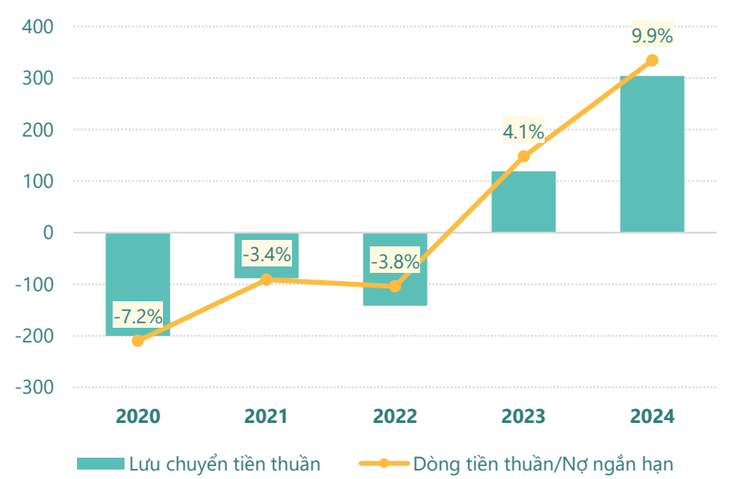
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**2,918**	**3,100**	**-5.9%**	**5,174**	**4,932**	**4.9%**
Giá vốn hàng bán	2,619	2,810	-6.8%	4,631	4,450	4.1%
Lợi nhuận gộp	299	290	3.0%	543	481	12.9%
Doanh thu HĐTC	44.0	48.4	-9.2%	68.1	75.5	-9.8%
Chi phí TC	29.1	39.8	-26.8%	46.3	65.1	-28.9%
Chi phí lãi vay	0	1.50	-100%	0	1.50	-100%
LN trong công ty LKLD	**16.1**	**16.9**	**-4.7%**	**41.7**	**26.4**	**58.0%**
Chi phí bán hàng	128	124	3.6%	231	222	4.0%
Chi phí QLDN	**74.6**	**66.7**	**11.8%**	**138**	**129**	**7.0%**
LN thuần từ HĐKD	127	124	2.2%	238	167	42.3%
Lợi nhuận khác	**0.46**	**0.07**	**552%**	**1.65**	**2.77**	**-40.6%**
LN trước thuế	127	124	2.6%	239	170	40.9%
Lợi nhuận sau thuế	**105**	**103**	**1.9%**	**200**	**141**	**42.2%**
LNST của CĐ cty mẹ	**99.6**	**100**	**-0.4%**	**192**	**138**	**38.9%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0	-262	489	139	188	-257
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	-76.7	227	22.2	-212	-31.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0.48	-197	-111	0	-13.2
Tiền đầu kỳ	0	461	123	637	802	780
Lưu chuyển tiền thuần	**0**	**-338**	**519**	**50.5**	**-24.6**	**-302**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.89	-4.81	3.71	2.05	-0.32
Tiền cuối kỳ	0	123	637	691	780	477

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**5,830**	**5,292**	**10.2%**
Tài sản ngắn hạn	4,593	4,077	12.7%
Tiền và tương đương tiền	477	802	-40.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	257	9.56	2593%
Phải thu ngắn hạn	1,623	1,583	2.6%
Hàng tồn kho	1,933	1,495	29.3%
Tài sản ngắn hạn khác	302	188	60.8%
Tài sản dài hạn	**1,237**	**1,215**	**1.8%**
Phải thu dài hạn	76.4	72.8	5.0%
Tài sản cố định	576	597	-3.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	7.36	8.19	-10.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	546	504	8.1%
Tài sản dài hạn khác	**30.8**	**32.1**	**-3.8%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	3,566	3,113	14.6%
Nợ ngắn hạn	**3,516**	**3,062**	**14.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	59.2	6.39	826%
Phải trả người bán ngắn hạn	2,206	1,860	18.6%
Nợ dài hạn	50.4	50.2	0.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	6.58	6.39	2.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,264**	**2,179**	**3.9%**
Vốn chủ sở hữu	**2,264**	**2,179**	**3.9%**
Vốn điều lệ	441	441	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)